

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 250

NGẠ QUỶ

250

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	5
1 Cúng cho người mất - Kinh JÀNUSSONI – Tăng IV, 595	11
2 Ghen nên đổ than hùng lên tình địch - Kinh Người Đàn Bà Khô Héo Đã Rải Than Đỏ trên Một Người Đàn Bà – Tương II, 455.....	20
3 Gian phụ - Là một phụ nữ bị lột da - Kinh Gian Phụ bị Lột Da – Tương II, 454	22
4 Giết dê - Là một bị da bị quạ cắn mổ - Kinh Người Giết Dê Bị Lột Da – Tương II, 449.....	23
5 Giết heo - Là một người với lông bằng đao kiếm... - Kinh Người Giết Heo Với Đao Kiếm – Tương II, 449	24
6 Giết trâu bò - Là bộ xương đang đi trên trời bị quạ cắn mổ - Kinh Đổng Xương – Tương II, 445	25
7 Giết trâu bò - Là đồng thịt đang đi giữa hư không - Kinh Đồ Tể Giết Trâu Bò – Tương II, 448 ..	29
8 Kinh Tương Ứng Lakkhana – Tương II, 445.	30

- 9 Mời Tỷ kheo ăn phân thời Đức Phật Kassapa, giờ chìm trong hồ phân, ăn phân bằng 2 tay - Kinh Tà Ác Là BàLaMôn Ăn Phân – Tương II, 453.....48
- 10 Người bói toán - Là một người phụ nữ hôi hám xấu xí - Kinh Người Phụ Nữ Xấu Xí Bói Toán – Tương II, 45449
- 11 Người gián điệp - Là một người với lông bằng mũi tên - Kinh Người Do Thám – Tương II, 45150
- 12 Người huấn luyện thú - Là một người với lông bằng mũi kim - Kinh Người Đánh Xe Với Các Cây Kim – Tương II, 45051
- 13 Người phán quan - người với hòn dái trên vai - Kinh Người Phán Quan Tham Nhũng Với Hòn Dái Lớn – Tương II, 45152
- 14 Người săn chim - Là một miếng thịt đang đi giữa hư không - Kinh Một Miếng Thịt và Kẻ Bắt Chim – Tương II, 44853
- 15 Người săn thú - Là một người với lông bằng các cây lao... - Kinh Người Săn Thú Với Cây Lao – Tương II, 44954

- 16 Người thông dâm - Là một người với đầu chìm trong hố phân - Kinh Kẻ Thông Dâm Bị Chìm Trong Hố – Tương II, 45355
- 17 Người tra tấn - Là một người với lông bằng các mũi tên... - Kinh Người Tra Tấn Với Mũi Tên – Tương II, 45056
- 18 Phần lớn các ngựa quý nằm ngửa - Kinh CÁCH NĂM – Tăng II, 28257
- 19 Thoát ngựa quý nhờ nghe và hành trì Pháp Cú - Kinh Piyankara - Tương I, 462.....59
- 20 Ác Sadi, ác Sadi ni - với thân thể và y áo bị cháy đỏ - Kinh Sa Di – Tương II, 45761
- 21 Ác Tỷ kheo ni - với y áo vào thân thể bị cháy đỏ - Kinh Tỷ Kheo Ni – Tương II, 45664
- 22 Ác Tỷ kheo thời Đức Phật Kassapa - Là một Tỷ kheo với y áo và thân bị cháy đỏ - Kinh Tỷ Kheo – Tương II, 45665
- 23 Ác học nữ - với thân bị cháy đỏ - Kinh Học Nữ – Tương II, 45666
- 24 Ăn cướp - Là một cái thân không đầu - Kinh Kẻ Trộm Cướp Đứt Đầu – Tương II, 45567

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tâm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý độc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngã quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Cúng cho người mất - Kinh JÀNUSSONI – Tăng IV, 595

JÀNUSSONI – Tăng IV, 59

(Bố thí cho bà con huyết thống đã chết; Nghiệp - nghiệp dẫn đi tái sinh trong súc sanh; Bố thí - kết quả của người bố thí)

1. Rồi Bà-la-môn Jànussoni đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jànussoni bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi Bà-la-môn, cho bố thí, làm các lễ cúng cho người chết. Mong rằng, bố thí này cho bà con huyết thống đã chết được lợi ích! Mong rằng các bà con huyết thống đã chết, thọ hưởng bố thí này! Thưa Tôn giả Gotama, **bố thí có lợi ích gì cho các bà con huyết thống đã chết không? Các bà con huyết thống đã chết có được thọ hưởng bố thí ấy hay không?**

- Nay Bà-la-môn, **nếu có tương ưng xứ, thời có lợi ích; không có lợi ích, nếu không có tương ưng xứ.**

- Thưa Tôn giả Gotama, thế nào là tương ưng xứ, thế nào là không tương ưng xứ?

2. Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân, có tà kiến. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục. Món ăn của chúng sanh ở địa ngục ăn, tại đây, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đây, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ, trú ở nơi đây, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

3. Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh... có tà kiến. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh vào loại bàng sanh. Món ăn của chúng sanh ở bàng sanh ăn, tại đây, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đây, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ; trú ở đây, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

4. Ở đây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham ái, không có tâm sân hận, có chánh kiến. Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh cộng trú với loài Người. Món ăn của loài người như thế nào, tại đây, vị ấy nuôi

sống với món ăn ấy; tại đây, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Nay Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ, trú ở đây, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

5. Ở đây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên. Món ăn của chư Thiên như thế nào, tại đây, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đây, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Nay Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ, trú ở đây, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

6. Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh... có tà kiến. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh vào vào **cõi nga qui**. Món ăn của các chúng sanh nga qui như thế nào, tại đây, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy, tại đây, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Món ăn nào, các bạn bè, hoặc thân hữu, hoặc bà con hoặc người cùng huyết thống từ đây muốn hướng cúng cho vị ấy, tại đây, vị ấy sống với món ăn ấy; tại đây, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Nay Bà-la-môn, đây là tương ưng xứ; trú nơi đây, vị ấy được lợi ích của bố thí ấy.

7. *Thưa Tôn giả Gotama, nếu bà con huyết thống ấy đã chết, không sanh vào chỗ ấy, thì ai hưởng bố thí ấy?*

- Nay Bà-la-môn, **các bà con huyết thống khác đã chết**, được sanh vào chỗ ấy, những người ấy được hưởng bố thí ấy.

- Thừa Tôn giả Gotama, nếu bà con huyết thống đã chết, không sanh vào chỗ ấy, và các bà con huyết thống khác cũng không sanh vào chỗ ấy, thời ai hưởng bố thí ấy?

- **Không có trường hợp ấy, không có cơ hội ấy**, nay Bà-la-môn, rằng chỗ ấy có thể trống không trong một thời gian dài, không có người bà con huyết thống đã chết. Nhưng nay Bà-la-môn, người bố thí không phải không có hưởng quả.

- Có phải Tôn giả Gotama nói một giả thuyết không thể xảy ra?

- Nay Bà-la-môn, **Ta nói một giả thuyết không thể xảy ra.**

Ở đây, nay Bà-la-môn,

- Có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến.

- Người ấy bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc.
 - Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các loài voi. Tại đây, vị ấy được đồ ăn, đồ uống, vòng hoa, các loại trang sức khác.
- Vì rằng, ở đây, này Bà-la-môn, có sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, do vậy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các loài voi.
- Vì rằng vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; do vậy, tại đây vị ấy được các món ăn, các đồ uống, vòng hoa, các đồ trang sức khác.

Ở đây, này Bà-la-môn,

- Có người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến.

- Người ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phân sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc.
- Sau khi thân hoại mạng chung, **vị ấy cộng trú với các loài ngựa...** sanh cộng trú với các loài **bò...** Cộng trú với các loài **gia cầm**. Vị ấy tại đây, được các món ăn, các đồ uống, vòng hoa, các đồ trang sức khác.

→ **Vì rằng**, này Bà-la-môn, có sát sanh, có lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, có nói láo, có nói hai lưỡi, có nói lời độc ác, có nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến. **Do vậy**, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh vào cộng trú với các loài gia cầm.

→ **Vì rằng** vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn với các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phân sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc, **nên** tại đây vị ấy được đồ ăn, đồ uống, vòng hoa, các loại trang sức khác.

Ở đây, này Bà-la-môn,

- Có hạng người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác,

từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham ái, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến.

- Người ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phân sấp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, **được sanh cộng trú với loài Người**. Tại đây, vị ấy được năm loại dục công đức sai khác, thuộc về loài Người.

→ **Vì rằng**, này Bà-la-môn, vị ấy từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham ái, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy **được** sanh cộng trú với loài Người.

→ **Vì rằng** vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phân sấp, giường nằm, các trú xứ, đèn đuốc; do vậy, ở đây vị ấy **được** năm dục công đức của loài Người.

Ở đây, này Bà-la-môn,

- Có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến,

- Người ấy bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc.
 - Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên. Vị ấy tại đây được năm loại dục công đức của chư Thiên.
- Vì rằng ở đây có từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, cho nên sau khi thân hoại mạng chung, **vị ấy được sanh cộng trú với chư Thiên.**
- Vì rằng vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Do vậy, tại đây vị ấy được năm dục công đức của chư Thiên.

Tuy nhiên, này Bà-la-môn, người bố thí không phải không có kết quả.

8. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Cho đến như thế này, thưa Tôn giả Gotama, **là vừa đủ để bố thí, là vừa đủ để tổ chức các tín thí.** Vì rằng, ở đây, người bố thí không phải không có kết quả (như đã được nói).

- Như vậy, này Bà-la-môn, người bố thí này không phải không có kết quả.

- Thật kỳ diệu thay Tôn giả Gotama... Xin Tôn giả Gotama hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

2 Ghen nên đổ than hừng lên tình địch - Kinh Người Đàn Bà Khô Héo Đã Rải Than Đỏ trên Một Người Đàn Bà – Tương II, 455

Người Đàn Bà Khô Héo Đã Rải Than Đỏ trên Một
Người Đàn Bà Khác – *Tương II, 455*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một *người đàn bà cần cối, khô héo, dính đầy than mờ hóng*, đang đi giữa hư không. Những con chim kên, những con quạ, những con chim ưng đuổi theo để cần mỏ, rút xé người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Người đàn bà ấy, này các Tỷ-kheo, là *đệ nhất phu nhân của vua xứ Kalinga. Bà ta vì ghen tức nên đã đổ lò than hồng lên trên một vương nữ khác*. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó *cảm thọ một tư ngã* như vậy.

3 Gian phụ - Là một phụ nữ bị lột da - Kinh Gian Phụ bị Lột Da – Trương II, 454

Gian Phụ bị Lột Da – *Trương II*, 454

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **phụ nữ bị lột da** đang đi giữa hư không. Những con chim kên, những con quạ, những con chim ưng đuổi theo để cắn mổ, rút xé người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Người phụ nữ ấy, này các Tỷ-kheo, là **một người gian phụ** ở Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tự ngã** như vậy.

4 Giết dê - Là một bị da bị quạ cắn mổ - Kinh Người Giết Dê Bị Lột Da – Tương II, 449

Người Giết Dê Bị Lột Da – *Tương II, 449*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy **một bị da**. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người **đồ tể giết dê** ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tự ngã** như vậy.

5 Giết heo - Là một người với lông bằng đao kiếm... - Kinh Người Giết Heo Với Đao Kiếm – Tương II, 449

Người Giết Heo Với Đao Kiếm – *Tương II, 449*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng đao kiếm đang đi giữa hư không. Các đao kiếm ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người giết heo ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

6 Giết trâu bò - Là bộ xương đang đi trên trời bị quạ cắn mổ - Kinh Đồng Xương – Tương II, 445

Đồng Xương – Tương II, 445

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm) chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Lakkhana và Tôn giả Mahà Moggallàna trú ở núi Gijjhakùta (Linh Thúu).

3) Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna đáp y, vào buổi sáng, cầm y bát, đi đến Tôn giả Lakkhana.

4) Sau khi đến, nói với Tôn giả Lakkhana:

- Chúng ta hãy cùng đi, này Hiền giả Lakkhana. Chúng ta hãy đi vào Ràjagaha để khát thực.

- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Lakkhana vâng đáp Tôn giả Mahà Moggallàna.

5) Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna **khi đi từ núi Gijjhakta bước xuống, đi qua một chỗ, liền mỉm cười.**

6) Rồi Tôn giả Lakkhana nói với Tôn giả Mahà Moggallàna:

- Nay Hiền giả Moggallàna, do nhân gì, do duyên gì, Hiền giả lại mỉm cười?

- Nay Hiền giả Lakkhana, không phải thời là câu hỏi ấy. Trước mặt Thế Tôn, hãy hỏi tôi câu hỏi ấy.

7) Rồi Tôn giả Lakkhana và Tôn giả Mahà Moggallàna sau khi đi khát thực ở Ràjagaha xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Lakkhana nói với Tôn giả Mahà Moggallàna:

- Ở đây, Tôn giả Mahà Moggallàna khi từ núi Gijjhakuta bước xuống, đi ngang qua một chỗ, liền mỉm cười. Nay Hiền giả Moggallàna, do nhân gì, do duyên gì, Hiền giả lại mỉm cười?

9) - **Ở đây, nay Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một bộ xương đang đi trên trời.**

Các con kên kên, các con qua, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mỏ xương sườn nó, cắn xé nó, và nó kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

10) - Này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật vi diệu thay! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một chúng sanh như vậy. Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một Dạ-xoa như vậy! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành được một tự ngã như vậy"

11) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Sống với nhau như thực nhãn, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử!
- Thật sống với nhau như thực trí, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử.
- Vì rằng một đệ tử sẽ biết, hay sẽ thấy, hay sẽ chứng thực như vậy.

12) Xưa kia, này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy chúng sanh ấy nhưng Ta không có nói. Nếu Ta có nói, các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người ấy sẽ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.

13) *Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một **đồ tể giết trâu bò** (goghatako) ở Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong*

địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

7 **Giết trâu bò - Là đồng thịt đang đi giữa hư không - Kinh Đồ Tể Giết Trâu Bò – Tương II, 448**

Đồ Tể Giết Trâu Bò – Tương II, 448 (Gavaghàtako)

1)...

2) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **đồng thịt đang đi giữa hư không**. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuôi theo nó, cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên tiếng kêu đau đớn.

3) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một **đồ tể giết trâu bò**. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

8 Kinh Tương Ưng Lakkhana – Tương II, 445

Tương Ưng Lakkhana

(Chương VIII)

I. Phẩm Thứ Nhất

Đổng Xương – *Tương II, 445*

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm) chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Lakkhana và Tôn giả Mahà Moggallàna trú ở núi Gijjhakùta (Linh Thú).

3) Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna đáp y, vào buổi sáng, cầm y bát, đi đến Tôn giả Lakkhana.

4) Sau khi đến, nói với Tôn giả Lakkhana:

- Chúng ta hãy cùng đi, này Hiền giả Lakkhana. Chúng ta hãy đi vào Ràjagaha để khát thực.

- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Lakkhana vâng đáp Tôn giả Mahà Moggallàna.

5) Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna khi đi từ núi Gijjhaketa bước xuống, đi qua một chỗ, liền mỉm cười.

6) Rồi Tôn giả Lakkhana nói với Tôn giả Mahà Moggallàna:

- Nay Hiền giả Moggallàna, do nhân gì, do duyên gì, Hiền giả lại mỉm cười?

- Nay Hiền giả Lakkhana, không phải thời là câu hỏi ấy. Trước mặt Thế Tôn, hãy hỏi tôi câu hỏi ấy.

7) Rồi Tôn giả Lakkhana và Tôn giả Mahà Moggallàna sau khi đi khát thực ở Ràjagaha xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Lakkhana nói với Tôn giả Mahà Moggallàna:

- Ở đây, Tôn giả Mahà Moggallàna khi từ núi Gijjhaketa bước xuống, đi ngang qua một chỗ, liền mỉm cười. Nay Hiền giả Moggallàna, do nhân gì, do duyên gì, Hiền giả lại mỉm cười?

9) - Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một bộ xương đang đi trên trời. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ xương sườn nó, cắn xé nó, và nó kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

10) - Này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật vi diệu thay! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một chúng sanh như vậy. Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một Dạ-xoa như vậy! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành được một tự ngã như vậy"

11) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Sống với nhau như thực nhãn, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử!
- Thật sống với nhau như thực trí, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử.
- Vì rằng một đệ tử sẽ biết, hay sẽ thấy, hay sẽ chứng thực như vậy.

12) Xưa kia, này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy chúng sanh ấy nhưng Ta không có nói. Nếu Ta có nói, các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người ấy sẽ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.

13) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một **đồ tể giết trâu bò** (goghatako) ở Rājagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

Đồ Tể Giết Trâu Bò – *Twong* II, 448 (Gavaghàtako)

1)...

2) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **đống thịt đang đi giữa hư không**. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên tiếng kêu đau đớn.

3) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một **đồ tể giết trâu bò**. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

Một Miếng Thịt và Kẻ Bắt Chim – *Twong* II, 448

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **miếng thịt đang đi giữa hư không**. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một **kẻ săn chim** ở Ràjagaha. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tư ngã** như vậy.

Người Giết Dê Bị Lộ Da – *Trường II, 449*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy **một bị da**. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người **đồ tể giết dê** ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tư ngã** như vậy.

Người Giết Heo Với Dao Kiếm – *Tương II, 449*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng dao kiếm đang đi giữa hư không. Các dao kiếm ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người giết heo ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

Người Săn Thú Với Cây Lao – *Tương II, 449*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng các cây lao đang đi trên hư không. Những cây lao ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người thợ săn thú ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó

thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

Người Tra Tấn Với Mũi Tên – *Tương II, 450*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gujjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng các mũi tên, đang đi giữa hư không. Những mũi tên ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một *người tra tấn* ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

Người Đánh Xe Với Các Cây Kim – *Tương II, 450*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng mũi kim đang đi giữa hư không...

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một *người điều phục các loài thú* (xin đọc Sùto thế cho Sùcako của nguyên bản). Do nghiệp của người đó thuần thục, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thục còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

Người Do Thám – *Tương II*, 451

1) Ở đây, thưa Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một *người với lông bằng mũi tên* đang đi giữa hư không.

2) Các mũi tên ấy đâm vào đầu và ra khỏi miệng người ấy. Chúng đâm vào miệng và ra khỏi ngực người ấy, chúng đâm vào ngực và ra khỏi bụng người ấy, chúng đâm vào bụng và ra khỏi bắp vế của người ấy, chúng đâm vào bắp vế và ra khỏi cổ chân của người ấy, chúng đâm vào cổ chân và ra khỏi bàn chân của người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là *một gián điệp* ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thục, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm,

nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

Người Phán Quan Tham Nhũng Với Hòn Dái Lớn – *Tương II, 451*

1) Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **người với hòn dái** đang đi giữa hư không.

2) Khi đang đi, người ấy mang hòn dái trên vai mà đi. Khi ngồi, người ấy ngồi trên những hòn dái ấy.

3) Và các con chim kên kên, chim quạ, chim ưng đuổi theo người ấy để cắn mổ, cắn xé, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

4) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là **một phán quan** ở Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

II. Phẩm Thứ Hai

Kẻ Thông Dâm Bị Chìm Trong Hồ – *Tương II, 453*

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm).

2) - Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **người với đầu chìm trong hồ phân.**

3) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một **người thông dâm** ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tư ngã** như vậy.

Tà Ác BàLaMôn Ăn Phân – *Tương II, 453*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **người chìm trong hồ phân, ăn phân bằng hai tay.**

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là *một Bà-la-môn* tại Rājgaha này. *Khi bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang giảng dạy, người ấy mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm. Rồi người ấy lấy một cái gáo đựng đầy phân và nói: "Ôi mong các Tôn giả ăn cho tận kỳ thỏa thích và mang về!"*. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

Gian Phụ bị Lột Da – Tương II, 454

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakūta bước xuống, tôi thấy một *phụ nữ bị lột da* đang đi giữa hư không. Những con chim kên, những con quạ, những con chim ung đuôi theo để cắn mổ, rút xé người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Người phụ nữ ấy, này các Tỷ-kheo, là *một người gian phụ* ở Rājagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

Người Phụ Nữ Xấu Xí Bói Toán – *Trung II*, 454

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **người phụ nữ hôi hám, xấu xí** đang đi trên hư không. Các con chim kên, các con quạ, các con chim ưng đuôi theo để cắn mổ, rút xé người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Người phụ nữ ấy, này các Tỷ-kheo, là **một người bói toán** ở chính Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tự ngã** như vậy.

Người Đàn Bà Khô Héo Đã Rải Than Đỏ trên Một Người Đàn Bà Khác – *Trung II*, 455

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **người đàn bà cằn cỗi, khô héo, dính đầy than mờ hóng**, đang đi giữa hư không. Những con chim kên, những con quạ, những con

chim ưng đuổi theo để cắn mổ, rút xé người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Người đàn bà ấy, này các Tỷ-kheo, là *đệ nhất phu nhân của vua xứ Kalinga. Bà ta vì ghen tức nên đã đổ lò than hồng lên trên một vương nữ khác.* Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tư ngã** như vậy.

Kẻ Trộm Cướp Đứt Đầu – *Twong II*, 455

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gujjhakùta bước xuống, tôi thấy **một cái thân không đầu** đi giữa hư không. Con mắt và miệng thời ở trên ngực.

2) Các con chim kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo để cắn mổ, rút xé người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là *một người ăn cướp tên là Hàrika* ở tại Ràjagaha. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm,

nhieu trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

Tỷ Kheo – Tương II, 456

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một Tỷ-kheo đi giữa hư không.

2) ***Y tăng-già-lê (thượng y) của vị ấy bị cháy đỏ***, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nít cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Và vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, là một ***ác Tỷ-kheo*** trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

Tỷ Kheo Ni – Tương II, 456

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **Tỳ-kheo-ni** đi giữa hư không.

2) **Y tăng-già-lê của vị ấy bị cháy đỏ**, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nit cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Và vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Tỳ-kheo ni ấy, này các Tỳ-kheo, là một *ác Tỳ-kheo ni* trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tư ngã** như vậy.

Học Nữ – Tương II, 456

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **học nữ** đi giữa hư không.

2) Y tăng-già-lê của vị ấy bị cháy, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nit cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy

đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Và vì ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

3)... là một *ác học nữ* trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

SaDi – *Tương II*, 457

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **Sa-di** đi giữa hư không...

2-3) Y Tăng-già-lê của vị ấy bị cháy, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nit cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Và vì ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

... là một *ác Sa-di* trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm

ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm
tho một tự ngã như vậy.

SaDi Ni – *Tương II*, 457

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một Sa-di ni đi giữa hư không.

2) Y tăng-già-lê (sanghàti) của vị này bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nịt cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hy hữu thay! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một chúng sanh như vậy. Một kẻ có tên như vậy trở thành một Dạ-xoa như vậy. Một kẻ có tên như vậy lại trở thành đấng một tự ngã như vậy".

4) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Sống với như thực nhãn, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Sống với như thực trí, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Vì rằng, một đệ tử sẽ biết, hay sẽ thấy, hay sẽ chứng thực như vậy.

5) Xưa kia, này các Tỷ-kheo, Ta cũng thấy Sa-di-ni ấy, nhưng Ta không có nói. Nếu Ta có nói, các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người ấy sẽ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.

6) Vị Sa-di ni ấy, này các Tỷ-kheo, là một **ác Sa-di ni** trong thời **bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa thuyết pháp**. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và với quả thuần thực còn lại, người đó **cảm thọ một tự ngã như vậy**.

9 Mời Tỷ kheo ăn phân thời Đức Phật Kassapa, giờ chìm trong hố phân, ăn phân bằng 2 tay - Kinh Tà Ác Là BàLaMôn Ăn Phân – Tương II, 453

Tà Ác BàLaMôn Ăn Phân – *Tương II*, 453

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người chìm trong hố phân, ăn phân bằng hai tay.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một Bà-la-môn tại Ràjgaha này. Khi bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang giảng dạy, người ấy mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm. Rồi người ấy lấy một cái gáo đựng đầy phân và nói: "Ôi mong các Tôn giả ăn cho tận kỳ thỏa thích và mang về!". Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

10 Người bói toán - Là một người phụ nữ hôi hám xấu xí - Kinh Người Phụ Nữ Xấu Xí Bói Toán – Tương II, 454

Người Phụ Nữ Xấu Xí Bói Toán – *Tương II, 454*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **người phụ nữ hôi hám, xấu xí** đang đi trên hư không. Các con chim kên, các con quạ, các con chim ung đuổi theo để cắn mổ, rút xé người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Người phụ nữ ấy, này các Tỷ-kheo, là **một người bói toán** ở chính Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tự ngã** như vậy.

11 Người gián điệp - Là một người với lông bằng mũi tên - Kinh Người Do Thám – Tương II, 451

Người Do Thám – Tương II, 451

1) Ở đây, thưa Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng mũi tên đang đi giữa hư không.

2) Các mũi tên ấy đâm vào đầu và ra khỏi miệng người ấy. Chúng đâm vào miệng và ra khỏi ngực người ấy, chúng đâm vào ngực và ra khỏi bụng người ấy, chúng đâm vào bụng và ra khỏi bắp vế của người ấy, chúng đâm vào bắp vế và ra khỏi cổ chân của người ấy, chúng đâm vào cổ chân và ra khỏi bàn chân của người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một gián điệp ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

12 Người huấn luyện thú - Là một người với lông bằng mũi kim - Kinh Người Đánh Xe Với Các Cây Kim – Tương II, 450

Người Đánh Xe Với Các Cây Kim – *Tương* II, 450

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **người với lông bằng mũi kim** đang đi giữa hư không...

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một **người điều phục các loài thú** (xin đọc Sùto thế cho Sùcako của nguyên bản). Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tư ngã** như vậy.

13 Người phán quan - người với hòn đá trên vai - Kinh Người Phán Quan Tham Nhũng Với Hòn Đá Lớn – Tương II, 451

Người Phán Quan Tham Nhũng Với Hòn Đá Lớn –
Tương II, 451

1) Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **người với hòn đá** đang đi giữa hư không.

2) Khi đang đi, người ấy mang hòn đá trên vai mà đi. Khi ngồi, người ấy ngồi trên những hòn đá ấy.

3) Và các con chim kên kên, chim quạ, chim ung đuổi theo người ấy để cắn mổ, cắn xé, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

4) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là **một phán quan** ở Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tư ngã** như vậy.

14 Người săn chim - Là một miếng thịt đang đi giữa hư không - Kinh Một Miếng Thịt và Kẻ Bắt Chim – Tương II, 448

Một Miếng Thịt và Kẻ Bắt Chim – *Tương II, 448*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một miếng thịt đang đi giữa hư không. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một kẻ săn chim ở Ràjagaha. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

15 Người săn thú - Là một người với lông bằng các cây lao... - Kinh Người Săn Thú Với Cây Lao – Tương II, 449

Người Săn Thú Với Cây Lao – *Tương II*, 449

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy **một người với lông bằng các cây lao đang đi trên hư không**. Những cây lao ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một **người thợ săn thú** ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tư ngã** như vậy.

16 Người thông dâm - Là một người với đầu chìm trong hồ phân - Kinh Kê Thông Dâm Bị Chìm Trong Hồ – Tương II, 453

Kê Thông Dâm Bị Chìm Trong Hồ – *Tương II*, 453

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm).

2) - Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **người với đầu chìm trong hồ phân.**

3) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một **người thông dâm** ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tư ngã** như vậy.

17 Người tra tấn - Là một người với lông bằng các mũi tên... - Kinh Người Tra Tấn Với Mũi Tên – Tương II, 450

Người Tra Tấn Với Mũi Tên – *Tương II, 450*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gujjhakùta bước xuống, tôi thấy một **người với lông bằng các mũi tên**, đang đi giữa hư không. Những mũi tên ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một **người tra tấn** ở tại Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tư ngã** như vậy.

18 Phần lớn các nga quý nằm ngửa - Kinh CÁCH NĂM – Tăng II, 282

CÁCH NĂM – Tăng II, 282

❖ Nay các Tỷ-kheo, có **bốn cách nằm** này. Thế nào là bốn?

- Cách nằm của nga quý,
- Cách nằm của kẻ hưởng thọ dục vọng,
- Cách nằm của con sư tử,
- Cách nằm của Như Lai.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của nga quý?

- Nay các Tỷ-kheo, phần lớn các nga quý **nằm ngửa**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là cách nằm của nga quý.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của người hưởng thọ các dục vọng?

- Và nay các Tỷ-kheo, phần lớn người hưởng thọ các dục vọng nằm phía **bên trái**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là cách nằm của kẻ hưởng thọ các dục vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của con sư tử?

Này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, nằm về phía hông bên mặt, hai chân gác lên nhau và cuộn cái đuôi vào giữa hai bắp vế; khi thức dậy, nó duỗi ra phía thân trước, rồi nó ngó lui ra phía thân sau. Này các Tỷ-kheo, nếu con sư tử, vua các loài thú, thấy thân phần nào đặt sai chỗ hay lộn xộn, thời này các Tỷ-kheo, nếu con sư tử, vua các loài thú, không được hoan hỷ. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu con sư tử, vua các loài thú, thấy thân phần nào không đặt sai chỗ hay lộn xộn, thời này các Tỷ-kheo, nếu con sư tử, vua các loài thú, được hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, đây là cách nằm con sư tử.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của Như Lai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục ... chúng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, đây là cách nằm của Như Lai. Này các Tỷ-kheo, có bốn cách nằm này.

19 Thoát nạn quỷ nhờ nghe và hành trì Pháp Cú - Kinh Piyankara - Tương I, 462

Piyankara – Tương I, 462

- 1) Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.
- 2) Lúc bảy giờ Tôn giả Anuruddha thức dậy khi đêm vừa mới sáng, đang tụng đọc **pháp cú**.
- 3) Một nữ Dạ-xoa, mẹ của Piyankara dỗ cho con nín như sau:

*Này Piyankara,
Chớ có sanh tiếng động,
Vị Tỷ-kheo đang tụng,
Những lời về **pháp cú**.
Nếu chúng ta biết được,
Học được pháp cú này,
Rồi như pháp hành trì,
Chúng ta được lợi ích.*

*Không sát hại sanh vật,
Không cố ý nói láo,
Tự học tập **giới luật**,*

Chúng ta thoát nợ quý.

20 **Ác Sadi, ác Sadi ni - với thân thể và y áo bị cháy đỏ - Kinh Sa Di – Tương II, 457**

SaDi Ni – *Tương II, 457*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **Sa-di ni** đi giữa hư không.

2) **Y tăng-già-lê (sanghàti) của vị này bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nit cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.**

3) Này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hy hữu thay! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một chúng sanh như vậy. Một kẻ có tên như vậy trở thành một Dạ-xoa như vậy. Một kẻ có tên như vậy lại trở thành đợc một tự ngã như vậy".

4) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- **Sống với như thực nhãn, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Sống với như thực trí, này các Tỷ-kheo, là các**

đệ tử. Vì rằng, một đệ tử sẽ biết, hay sẽ thấy, hay sẽ chứng thực như vậy.

5) Xưa kia, này các Tỷ-kheo, Ta cũng thấy Sa-di-ni ấy, nhưng Ta không có nói. Nếu Ta có nói, các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người ấy sẽ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.

6) Vị Sa-di ni ấy, này các Tỷ-kheo, là một **ác Sa-di ni** trong thời **bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa thuyết pháp**. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và với quả thuần thực còn lại, người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

SaDi – 457tu2

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **Sa-di** đi giữa hư không...

2-3) Y Tăng-già-lê của vị ấy bị cháy, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nit cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực,

cháy đỏ ngọn. Và vi ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

... là một *ác Sa-di* trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm tho một tư ngã như vậy.

21 Ác Tỷ kheo ni - với y áo vào thân thể bị cháy đỏ - Kinh Tỷ Kheo Ni – Tương II, 456

Tỷ Kheo Ni – Tương II, 456

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một Tỷ-kheo-ni đi giữa hư không.

2) Y tăng-già-lê của vị ấy bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nit cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Và vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Tỷ-kheo ni ấy, này các Tỷ-kheo, là một ác Tỷ-kheo ni trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

22 Ác Tỷ kheo thời Đức Phật Kassapa - Là một Tỷ kheo với y áo và thân bị cháy đỏ - Kinh Tỷ Kheo – Tương II, 456

Tỷ Kheo – Tương II, 456

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một Tỷ-kheo đi giữa hư không.

2) ***Y tăng-già-lê (thượng y) của vị ấy bị cháy đỏ***, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nít cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Và vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, là một ***ác Tỷ-kheo*** trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

23 Ác học nữ - với thân bị cháy đỏ - Kinh Học Nữ – Tương II, 456

Học Nữ – Tương II, 456

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một học nữ đi giữa hư không.

2) Y tăng-già-lê của vị ấy bị cháy, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nit cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Và vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

3)... là một ác học nữ trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

24 Ăn cướp - Là một cái thân không đầu - Kinh Kê Trộm Cướp Đứt Đầu – Tương II, 455

Kê Trộm Cướp Đứt Đầu – *Tương II, 455*

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gujjhakùta bước xuống, tôi thấy **một cái thân không đầu** đi giữa hư không. Con mắt và miệng thời ở trên ngực.

2) Các con chim kên, các con quạ, các con chim ưng đuôi theo để cắn mổ, rút xé người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là **một người ăn cướp tên là Hàrika** ở tại Ràjagaha. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tự ngã** như vậy.